

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2026/HNGĐ - ST

Ngày 15/5/2026

“V/v: Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Thanh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nga

Ông Dương Xuân Tựu

- Thư ký phiên tòa: Bà Ma Thị Anh Trâm - Thư ký viên, Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Mạc Thị Quỳnh Dâng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 48/2025/TLST-HNGĐ ngày 10/11/2025 về việc “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2026/QĐST-HNGĐ ngày 10/3/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2026/QĐST-HNGĐ ngày 13/4/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Triệu Mùi M, sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Bàn Hữu L, sinh năm 1993

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú cuối cùng tại Việt Nam: Thôn N, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên. Hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan. Vắng mặt lần 2 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Triệu Mùi M trình bày:

Về hôn nhân: Chị Triệu Mùi M và anh Bàn Hữu L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 26/5/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn (nay là xã Đ, tỉnh Thái Nguyên), quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Anh L đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan từ tháng 7 năm 2020, thi thoảng vẫn gọi điện về hỏi thăm con nhưng không cho chị biết địa chỉ cụ thể. Gia đình cũng không rõ địa chỉ cụ thể của anh L bên Đài Loan, hiện nay vợ chồng chị không còn liên lạc với nhau. Nay chị thấy hôn nhân không thể kéo dài hơn được nữa, do vậy chị đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bàn Hữu L.

Về con chung: Chị và anh L có 02 con chung tên là Bàn Văn C, sinh ngày 06/4/2015 và Triệu Thị Bích P, sinh ngày 27/4/2017 hiện nay các con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường, khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Triệu Mùi M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Triệu Mùi M không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về phía bị đơn anh Bàn Hữu L, do chị Triệu Mùi M không cung cấp được địa chỉ của anh L tại Đài Loan, Tòa án đã xác minh tại địa phương, thông qua thân nhân của anh L, ngày 17/11/2025, ngày 15/01/2026 anh Bàn Hồng Q là anh ruột của anh L xác định anh L hiện nay đang làm việc tại Đài Loan, anh L thường xuyên liên lạc với anh qua ứng dụng Z nhưng không cho anh biết địa chỉ của anh L tại Đài Loan.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án và tiến hành các thủ tục tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ, vắng mặt tại phiên tòa không lý do, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình

- Việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định của pháp luật, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Mùi M, cho chị M được ly hôn với anh L.

Về con chung. Giao con chung Bàn Văn C, sinh ngày 06/4/2015 và Triệu Thị Bích P, sinh ngày 27/4/2017 cho chị Triệu M1 Mùi trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Triệu Mùi M không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung. Chị Triệu Mùi M không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét giải quyết.

Về án phí. Đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân gia đình tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn, bị đơn anh Bàn Hữu L có nơi thường trú tại thôn N, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên, hiện nay anh Bàn Hữu L đang làm việc tại Đài Loan. Theo công văn số 09/PQLNXC(Đ1) ngày 05/01/2026 của Phòng Q1 Công an tỉnh T xác định anh Bàn Hữu L xuất cảnh gần nhất ngày 19/02/2023 qua cửa khẩu N bằng hộ chiếu số C9075599, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Căn cứ Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên.

Do bị đơn anh Bàn Hữu L ở nước ngoài, không đến Tòa án để tham gia tố tụng, nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, căn cứ Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án không tiến hành hòa giải được. Anh Bàn Hồng Q là anh ruột của anh L xác nhận anh L vẫn thường xuyên liên lạc với anh nhưng không cho anh biết địa chỉ của anh L ở Đài Loan, do vậy anh Q không cung cấp địa chỉ cụ thể của anh L tại Đài Loan cho Tòa án, chị Triệu Mùi M có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, Tòa án xét xử vắng mặt đối với chị Triệu Mùi M và anh Bàn Hữu L.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện: Chị Triệu Mùi M và anh Bàn Hữu L đăng ký kết hôn ngày 26/5/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn (nay là xã Đ, tỉnh Thái Nguyên) nên được coi là hôn nhân hợp pháp, thời gian đầu chung sống hòa thuận hạnh phúc, nhưng về sau vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, anh chị đã ly thân từ năm 2020, chị M và anh L đã không còn liên lạc, quan tâm đến nhau. Như vậy quan hệ vợ chồng giữa chị M và anh L đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Triệu M1 Mui là chính đáng, cần chấp nhận yêu cầu của chị Triệu Mùi M, cho chị M được ly hôn với anh Bàn Hữu L.

[3]. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Triệu Mùi M và anh Bàn Hữu L có 02 con chung tên là Bàn Văn C, sinh ngày 06/4/2015 và Triệu Thị Bích P, sinh ngày 27/4/2017, cả hai con chung đều khỏe mạnh, phát triển bình

thường. Khi ly hôn chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung đến khi con đủ 18 tuổi. Chị M không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy hiện nay các con chung của chị M và anh L đều khỏe mạnh, phát triển bình thường, hiện nay anh L không có mặt tại địa phương, do vậy cần giao các con chung cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con chung đủ 18 tuổi là phù hợp. Chị Triệu Mùi M không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung, do vậy không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Do chị Triệu Mùi M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Triệu Mùi M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[6]. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên về việc giải quyết cho chị Triệu M1 Mui được ly hôn với anh Bàn Hữu L là phù hợp, cần được chấp nhận.

Bởi các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 477, 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025; Các Điều 51, Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84, 127 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Triệu Mùi M.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Mùi M được ly hôn với anh Bàn Hữu L.

3. Về con chung: Giao con chung Bàn Văn C, sinh ngày 06/4/2015 và Triệu Thị Bích P, sinh ngày 27/4/2017 cho chị Triệu M1 Mui trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom

để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Triệu Mùi M không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết

6. Về án phí: Chị Triệu Mùi M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002105 ngày 10/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 9 - Thái Nguyên. (01b)
- TAND tỉnh Thái Nguyên. (01b)
- VKSND tỉnh Thái Nguyên.(01b)
- Phòng THADS khu vực 9 - Thái Nguyên. (01b)
- UBND xã Đồng Phúc. (01b)
- Các đương sự. (02b)
- Lưu hs; lưu VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hà Thanh Tuấn